

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2018/HS-ST  
Ngày 16-11-2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nông Biên Hòa.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lâm Ngọc Thạch

Bà Hoàng Phương Lâm.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Thị Hương Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:*** Bà Lâm Thị Yên, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Ca, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 43/2018/TLST-HS ngày 26 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 519/2018/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Trương Thị V, sinh ngày 25-5-1977 tại thành phố Ca, tỉnh Cao Bằng;

Nơi ĐKKHKT: Tổ 9, phường DT, thành phố Ca, tỉnh Cao Bằng; Nơi ở: Xóm CG, xã CT, thành phố Ca, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trương Thanh H (đã chết) và bà Phương Thị Y (sinh năm 1941); có chồng là Nông Bế C, sinh năm 1973 (Đã ly hôn); và 02 con; tiền án, tiền sự: không có;

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 16-7-2018 đến nay; có mặt.

***- Người bào chữa cho bị cáo:***

Luật sư Hoàng Minh N - thuộc Văn phòng luật sư Nguyễn Đ - Đoàn Luật sư tỉnh Cao Bằng bào chữa cho bị cáo theo quy định của pháp luật. Có mặt.

***- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

1. Nông Bế C, sinh năm: 1973.

Trú tại: Xóm PG, xã KT, huyện TK, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

2. Nông Bế Q, sinh năm: 1995.

Trú tại: Xóm CG, xã CT, thành phố Ca, tỉnh Cao Bằng.  
Có mặt.

3. Trương Thủy T, sinh năm: 2000.

Trú tại: Xóm CG, xã CT, thành phố Ca, tỉnh Cao Bằng.

Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 13 giờ ngày 16-7-2018, Tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Công an tỉnh Cao Bằng đang làm nhiệm vụ tại đoạn đường trước cổng Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh Cao Bằng (thuộc tổ 6, phường TG, thành phố Ca, tỉnh Cao Bằng). Phát hiện Trương Thị V (sinh năm 1977, cư trú tại xóm CG, xã CT, thành phố Ca) đang điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA VISION biển kiểm soát 11B1- 289.xx có dấu hiệu nghi vấn, nên đã yêu cầu dừng xe để kiểm tra. Khi dừng xe Trương Thị V có hành vi lấy từ trong hộc phía trước xe mô tô một gói nilon màu đen thả xuống dưới đường và dùng chân đá xuống khe cống thoát nước nhưng lực lượng chức năng đã phát hiện và thu giữ. Tiến hành mở gói nilon màu đen bên trong có các cục chất bột màu trắng, Trương Thị V khai đó là Heroine. Tổ công tác tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và niêm phong vật chứng theo quy định của pháp luật, đồng thời tạm giữ: 01 (một) xe mô tô HONDA VISION biển kiểm soát 11B1-289.xx, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen số IMEI 357328082697487 kèm số sim 016393610xx.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng đã thi hành lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của Trương Thị V tại xóm CG, xã CT, thành phố Ca, tỉnh Cao Bằng. Kết quả thu giữ: 01 (một) chứng minh thư nhân dân số 0805089xx mang tên Trương Thị V, 02 (hai) điện thoại di động (01 nhãn hiệu IPHONE trong máy có 01 sim số 09163618xx, 01 nhãn hiệu HUAWAI trong máy có sim số 0863618xx) và 325.000.000đ (Ba trăm hai mươi năm triệu đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng tiến hành mở niêm phong cân xác định khối lượng vật chứng thu giữ được, có tổng khối lượng: 38,32 gam (ba mươi tám phẩy ba hai gam) và lấy mẫu gửi Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cao Bằng để giám định. Tại bản kết luận giám định số 155/GĐMT ngày 27-7-2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cao Bằng, kết luận: “*Mẫu chất bột màu trắng trong phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, loại: Heroine*”.

Quá trình điều tra Trương Thị V khai nhận: Khoảng tháng 6-2018 V quen một người phụ nữ tại quán trà đá ở thành phố Ca. Khi hai người nói chuyện có hỏi nhau về cuộc sống, V nói có việc gì thì cho V làm cùng. Người phụ nữ đó đồng ý và hứa khi nào có việc sẽ đến gặp V. Vào khoảng 8 giờ sáng ngày 16-7-2018 người phụ nữ đó đã đến nhà đưa cho Trương Thị V 01 gói nilon màu đen và bảo 13 giờ chiều nay vận chuyển đến khu vực dốc TA thuộc khu vực phường TG, thành phố Ca sẽ có người đến nhận với tiền công 1.000.000đ (một triệu đồng). Trương Thị V nhận lời và hỏi “Đây có hàng gì? Có phải ma túy không? Nếu là ma túy thì tiền công phải là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)”. Người phụ nữ bảo “Phải” và đưa cho Trương Thị V

2.000.000đ (Hai triệu đồng). Nhận gói ma túy, Trương Thị V đem cất giấu ở bụi cây gần nhà, đến khoảng 13 giờ cùng ngày V cho gói ma túy vào hộc phía trước của xe máy biển kiểm soát 11B-289.xx rồi đi đến khu vực TA, thành phố Ca để giao ma túy. Khi đến khu vực cổng Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Cao Bằng thấy Công an, Trương Thị V lấy gói ma túy thả xuống đất, nhưng đã bị phát hiện và bắt giữ.

Tại bản Cáo trạng số: 44/CT-VKSCB (P1) ngày 25-10-2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố Trương Thị V về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 250 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trương Thị V khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như trong cáo trạng đã thể hiện và không có ý kiến gì đối với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng. Bị cáo nhất trí với cách xử lý của Cơ quan Điều tra Công an tỉnh về việc trả lại chiếc xe máy cho Trương Thủy T và đề nghị trả lại số tiền 325.000.000đ (Ba trăm hai mươi năm triệu đồng) cho gia đình bị cáo vì không liên quan đến hành vi phạm tội, đây là số tiền do vợ chồng bị cáo bán đất vào năm 2013 và năm 2017 được 300.000.000đ (bả trăm triệu đồng), còn số tiền 25.000.000đ (hai mươi năm triệu đồng) là tiền của con gái gửi.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nông Bế C trình bày: Trong số tiền 325.000.000đ công an thu giữ có 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) là tiền vợ chồng anh bán đất cho Nguyễn Đức Th1 và Đàm Thị Th, không liên quan đến hành vi phạm tội, số tiền này sau khi ly hôn chị V là người quản lý số tiền trên với mục đích để cho con; còn số tiền 25.000.000đ anh không rõ, nay yêu cầu Tòa trả lại số tiền trên cho vợ con anh.

Người có quyền lợi liên quan Nông Bế Q trình bày: Đã nộp lại số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) – tiền thu lợi bất chính từ việc vận chuyển ma túy thay cho Trương Thị V tại Cục thi hành án dân sự. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, trả lại số tiền 25.000.000đ (Hai mươi năm triệu đồng) là tiền lương Q nhờ mẹ cất giữ hộ, không liên quan đến hành vi phạm tội. Còn về số tiền 300.000.000đ là tiền của bố mẹ bán đất, bố mẹ cho 2 chị em Q số tiền trên, nay tôi yêu cầu được trả lại toàn bộ số tiền trên.

Người có quyền lợi liên quan Trương Thủy T trình bày: Ngày 16-7-2018 Trương Thị V có mượn xe máy HONDA VISION biển kiểm soát 11B1-289.xx, khi cho mượn T không biết V mượn xe để vận chuyển ma túy. Hiện nay, chị đã nhận lại chiếc xe máy từ cơ quan điều tra nên tại phiên tòa hôm nay không có yêu cầu gì.

Kết thúc phần xét hỏi tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội khẳng định có đủ căn cứ kết luận bị cáo đã phạm tội Vận chuyển trái phép chất ma túy và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố Trương Thị V về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 250, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Trương Thị V từ 15 năm đến 16 năm tù; xử phạt bị cáo 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) xung công quỹ nhà nước. Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong bên trong chứa chất ma túy. Tịch thu

xung công quỹ nhà nước số tiền 2.000.000đ do bị cáo vận chuyển trái phép chất ma túy mà có (xác nhận Nông Bế Q là con gái bị cáo đã nộp khoản tiền trên vào cơ quan Cục thi hành án dân sự). Trả lại cho bị cáo Trương Thị V 03 điện thoại di động; 01 chứng minh thư nhân dân mang tên bị cáo; trả lại cho bị cáo 325.000.000 đồng tiền Việt Nam vì không liên quan đến hành vi phạm tội.

Luật sư Hoàng Minh N nhất trí với kết luận của Kiểm sát viên về việc truy tố Trương Thị V về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 250 của Bộ luật Hình sự, nhất trí với quan quan điểm xử lý vật chứng. Bị cáo là người có trình độ văn hóa thấp; bị cáo bị Công an bắt quả tang khi đang trên đường vận chuyển ma túy nên hành vi phạm tội của bị cáo chưa gây nguy hiểm cho xã hội; trọng lượng ma túy ở mức khởi điểm của điều luật; sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã nhờ con là Nông Bế Q nộp lại số tiền do vận chuyển ma túy mà có tại Cục thi hành án dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo Trương Thị V được hưởng mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không phạt tiền bị cáo do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự. Về số tiền 325.000.000đ không cần thiết phải tạm giữ, vì như vậy sẽ không đảm bảo quyền lợi cho các con của bị cáo.

Bị cáo Trương Thị V không có lời bào chữa bổ sung, trong lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Trương Thị V và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Trương Thị V hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra vụ án như: Lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Cao Bằng lập hồi 13 giờ 00 phút ngày 16-7-2018; Biên bản mở niêm phong cân xác định khối lượng lấy mẫu gửi giám định và niêm phong lại vật chứng lập hồi 16 giờ 00 phút ngày 16-7-2018; Kết luận giám định số 155/GĐMT ngày 27-7-2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cao Bằng.

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định, có đủ căn cứ chứng minh: Trương Thị V đã có hành vi vận chuyển trái phép 38,32 g (ba mươi tám phẩy tám mươi hai gam) Heroine từ Xóm CG, xã CT, thành phố Ca đến khu vực dốc đường vào TA, phường TG, thành phố Ca cho một đối tượng (không biết tên) với mục đích lấy tiền công 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì háms lợi nên đã bất chấp pháp luật, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý. Hành vi đó của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội phạm về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 250 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo Trương Thị V về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 250 Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan.

Hành vi phạm tội của bị cáo Trương Thị V là đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm đến hoạt động quản lý của nhà nước về chất ma túy, đi ngược lại chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta trong cuộc đấu tranh đẩy lùi và bài trừ tệ nạn ma túy, hành vi đó đã góp phần làm gia tăng tệ nạn xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội nên cần xử lý nghiêm khắc để làm gương cho người khác, đồng thời phục vụ công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm ma túy ở địa phương.

[3]. Về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Bị cáo là người có nhân thân tốt: Do trước khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận bản thân không sử dụng chất ma túy, đồng thời qua biên bản xét nghiệm nước tiểu cũng kết luận không tìm thấy chất chất ma túy.

Bị cáo có 01 tình tiết giảm nhẹ là “người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, ngày 06-11-2018 con gái bị cáo là Nông Bế Q đã nộp thay bị cáo số tiền do phạm tội mà có với số tiền 2.000.000đ tại cơ quan Cục thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng để xung công quỹ nhà nước, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, khi quyết định hình phạt cần xem xét lượng hình cho bị cáo.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Xét đề nghị mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát, Luật sư bào chữa là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên cần chấp nhận, cần xử bị cáo mức án khởi điểm của khung hình phạt.

[4] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 250 của Bộ luật Hình sự quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng,

*cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.*

Xét thấy, việc đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ. Do vậy cần thiết phải phạt bị cáo một khoản tiền để sung công quỹ nhà nước, vì bị cáo là người không sử dụng ma túy, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do háms lợi mà bất chấp quy định của pháp luật thực hiện hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy để thu lời bất chính.

[5]. Đối với những đối tượng khác có liên quan đến vụ án:

Đối với Trương Thủy T là người cho V mượn xe làm phương tiện vận chuyển ma túy, khi cho mượn T không biết V mượn xe để vận chuyển ma túy, do đó không có căn cứ để xử lý đối với Trương Thủy T.

Đối với người phụ nữ đã giao gói ma túy cho V vận chuyển đi giao, V khai chỉ biết mặt cao khoảng 1m60, da ngăm, tuổi khoảng 45-46 tuổi nhưng không biết tên tuổi, nơi cư trú, số điện thoại, việc trao đổi giữa V và người phụ nữ đó không ai biết nên không có cơ sở điều tra làm rõ.

Đối với người sẽ nhận ma túy, V khai không biết là ai, theo yêu cầu của người phụ nữ đó V chỉ mang gói ma túy đến địa điểm giao thì sẽ có người đến gặp V để lấy gói ma túy, V không thấy người phụ nữ đó nhắc đến việc V phải nhận tiền hay đồ vật gì để cầm về cho người phụ nữ đó nên không có cơ sở điều tra làm rõ.

[6] Việc xử lý vật chứng:

Xét thấy đề nghị của kiểm sát viên về phần xử lý vật chứng là có căn cứ và hợp lý nên cần chấp nhận. Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong bên trong chứa chất ma túy.
- Tịch thu xung công quỹ nhà nước số tiền 2.000.000đ do bị cáo vận chuyển trái phép chất ma túy mà có ( xác nhận bị cáo đã nộp số tiền trên theo Biên lai thu tiền AB/2012/037XX ngày 06-11-2018 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng.
- Trả lại cho bị cáo Trương Thị V 03 điện thoại di động vì không liên quan đến hành vi phạm tội; 01 chứng minh thư nhân dân mang tên bị cáo;
- Về số tiền 325.000.000 đồng tiền Việt Nam thu giữ của bị cáo, quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định số tiền trên không liên quan đến hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy, nên cần xử hoàn trả cho bị cáo, nhưng cần tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

Đối với chiếc xe mô tô HONDA VISION biển kiểm soát 11B1-289.xx, đây là chiếc xe bị cáo mượn của cháu là Trương Thủy T, khi cho mượn T không biết V mượn xe để vận chuyển ma túy, cơ quan điều tra đã trả lại cho Trương Thủy T là chủ sở hữu, việc hoàn trả chiếc xe trên của cơ quan Công an là có căn cứ; nay bà T không có yêu cầu gì thêm, do vậy không đặt ra việc giải quyết.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí: Bị cáo Trương Thị V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố: Bị cáo Trương Thị V phạm tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 250; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Trương Thị V 15 (mười năm) năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị bắt, tạm giữ, tạm giam là ngày 16-7-2018.

Xử phạt bị cáo Trương Thị V 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) xung công quỹ nhà nước.

2. Việc xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi dòng chữ: Vật chứng vụ Trương Thị V bắt ngày 16-7-2018 tại tổ 6, phường TG, thành phố Ca.

+ Trả lại bị cáo Trương Thị V các tài sản, đồ vật sau:

- 01 (một) điện thoại di động màu hồng hiệu IPHONE số IMEI: 358606074065428, máy đã qua sử dụng, kèm 01 (một) sim điện thoại.

- 01 (một) điện thoại di động màu trắng nhãn hiệu HUAWEI số IMEI 1: 866222033044663, IMEI 2: 866222033066674 máy đã qua sử dụng, kèm 01 sim.

- 01 (một) điện thoại di động màu đen nhãn hiệu NOKIA số IMEI: 357328082697487, máy đã qua sử dụng, kèm 01 sim điện thoại.

- 01 (một) Giấy chứng minh thư nhân dân số 0805089xx tên Trương Thị V.

- Tiền NHNN Việt Nam: 325.000.000đ (Ba trăm hai mươi năm triệu đồng) nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Xác nhận toàn bộ các vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng theo Biên bản giao nhận vật chứng số: 09 ngày 02 tháng 11 năm 2018.

+ Tịch thu xung ngân sách Nhà nước 2.000.000đ (hai triệu đồng) tiền Việt Nam. Xác nhận Nông Bế Q đã nộp thay Trương Thị V 2.000.000đ (hai triệu đồng) tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng tại Biên lai thu tiền AB/2012/037XX ngày 06-11-2018.

3. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trương Thị V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, có mặt người liên quan Nông Bế C, Nông Bế Q, Trương Thủy T. Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo về phần liên quan đến quyền lợi bản thân trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh CB;
- Sở Tư pháp CB;
- Phòng KTNV&THA;
- Cục THA dân sự;
- Trại giam CA Cao Bằng;
- Bị cáo;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu toà HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nông Biên Hòa**